

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:54/2022/HNGĐ-ST
Ngày:24/8/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Thanh và ông Phan Sỹ Phác.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 07 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST –DS, ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị C, có mặt.
Địa chỉ: Thôn T1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.
- *Bị đơn:* Anh N, có vắng mặt
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị C trình bày: Chị C và anh N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông vào ngày 28/3/2003. Chị C và anh N sống hạnh phúc đến năm 2014, sau đó giữa anh N và chị C phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn: mâu thuẫn trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, không thể hòa giải được. Ngoài ra, anh N thường xuyên đánh đập chị C và nhiều lần phải đi cấp cứu ở bệnh viện, đuổi ra khỏi nhà, lý do anh N nghe người khác nói bóng gió và về ghen tuông vô cơ đánh đập. Chị C và anh N đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay.

Chị C và anh N có 03 con chung; cháu A, sinh ngày 05/02/2004; cháu T, sinh ngày 05/02/2008; cháu Y, sinh ngày 01/7/2012; hiện nay các cháu đang ở với anh N - địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Cháu A đã trên 18 tuổi; cháu T học lớp 9 và cháu Y học lớp 4 trường tiểu học Nguyễn Văn Bé tại xã Đ.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Công nợ không có.

Nay chị C yêu cầu tòa án giải quyết như sau: Xin ly hôn với anh N. Chị C đồng ý giao cháu T và cháu Y cho anh N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung, cháu A đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết, hiện cả 03 cháu đang ở với anh N.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng, về công nợ: Không có.

- Bị đơn anh N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và kết hợp với chính quyền địa phương niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh N. Nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt không lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Qua lời khai của con chị C và anh N: Cháu A, sinh ngày 05/02/2004, cháu T, sinh ngày 05/10/2008, cháu Y, sinh ngày 01/7/2012 đều có nguyện vọng ở với anh N.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết theo quan điểm của chị C đã trình bày ở trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Duy chỉ, bị đơn anh N không chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, anh N tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn và giải quyết cho chị C được ly hôn với anh N (chấm dứt quan hệ hôn nhân). Giao cháu T, sinh ngày 05/10/2008, cháu Y, sinh ngày 01/7/2012 cho anh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Buộc chị C chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp “Xin ly hôn” giữa nguyên đơn chị C và bị đơn N, bị đơn là anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn anh N, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và kết hợp với chính quyền địa phương niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh N vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, xét xử lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị C xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 3 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2003 quyền số 01/2003. Do đó, hôn nhân giữa chị C và anh N là hợp pháp.

[5] Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa: Chị C khẳng định giữa chị và anh N có mâu thuẫn trong sinh hoạt trong gia đình, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và xung đột. Anh N đánh đập chị C, nhiều lần phải đi cứu ở bệnh viện với lý do anh N ghen tuông vô cơ. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Hai người sống hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau. Chính anh N cũng đã khẳng định chị C và anh N đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay (anh N tự ghi trong biên bản giao nhận văn bản tố tụng).

[6] Như vậy, hôn nhân giữa chị C và anh N là trầm trọng, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình

chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C và giải quyết cho chị C được ly hôn với anh N là có cơ sở.

[7] Về con chung: Theo đơn khởi kiện, chị C có nguyện vọng được nuôi cháu Y. Tuy nhiên, qua lấy lời khai các cháu thì cháu Y, Cháu T và cháu A đều có nguyện vọng được ở với anh N, ngoài ra cả ba cháu đều thừa nhận hiện đang ở với anh N và trong biên bản giao nhận thì anh N cũng thừa nhận cả ba cháu đang ở với anh N. Tại phiên tòa, chị C cũng có nguyện vọng để cho ba cháu ở với nhau, để anh chị em tự chăm lo và quản lý lẫn nhau, không tách ba cháu ra để sống những nơi khác nhau. Do đó, chị C đã đồng ý để cả ba cháu ở với anh N để thuận tiện học hành và ổn định chỗ ở của các cháu. Cháu A, sinh ngày 05/02/2004 đã trên 18 tuổi nên đương sự không yêu cầu giải quyết.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu giải quyết. Anh N vắng mặt trong các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên không thể hiện được quan điểm về cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh N và cũng như con chung. Anh N có quyền khởi kiện và yêu cầu chị C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật bằng một vụ án khác.

[9] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu giải quyết.

[10] Về công nợ: Không có

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147; áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[12] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C.

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị C và anh N (chấm dứt hôn nhân).

3. Về con chung:

- Chị C đồng ý giao cháu T- sinh ngày 05/02/2008; cháu Y- sinh ngày 01/7/2012 cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị C được quyền đi lại, thăm nom con chung, anh N không được cản trở hoặc gây trở ngại đến quyền đi lại, thăm nom con chung.

- Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; 110,116 Luật HNGĐ.

5. Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm) theo biên lai số 0000878, ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
- UBND xã Đắk Sắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy

